

# Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar trong đời sống văn hóa của cư dân tỉnh Khánh Hòa

Huỳnh Đức Thiện

Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG TP.HCM

## TÓM TẮT

*Trên thế giới nước nào cũng có lễ hội, đây là một loại hình sinh hoạt đặc biệt mang tính văn hóa và tính cộng đồng cao, phản ánh tín ngưỡng và đời sống của người dân. Việt Nam là nước có nhiều lễ hội mang đậm dấu ấn lịch sử và truyền thống mấy ngàn năm xây dựng và bảo vệ đất nước. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu lễ hội dưới góc độ dân tộc học, xã hội học, tôn giáo học... nhưng tìm hiểu loại hình sinh hoạt này bằng cái nhìn văn hóa học thì vẫn còn rất hiếm. Bài viết “Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar trong đời sống văn hóa ở tỉnh Khánh Hòa” sẽ được nghiên cứu bằng phương pháp văn hóa học, nhằm khám phá những đóng góp của lễ hội này cho đời sống văn hóa, đời sống tinh thần của người dân ở tỉnh Khánh Hòa. Cụ thể hơn, bài viết sẽ được triển khai theo cái nhìn loại hình văn hóa, hơi thiên về lý thuyết địa-văn hóa: đặt lễ hội được khảo sát vào trong hệ tọa độ văn hóa để tìm hiểu vai trò của nó đối với việc tổ chức xã hội, điều chỉnh xã hội, giao tiếp xã hội và giáo dục cộng đồng trong không gian địa lý cụ thể là tỉnh Khánh Hòa. Trên tinh thần hướng về cội nguồn, bài viết này muốn đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp và đạo lý của dân tộc cho việc phát triển đất nước hôm nay.*

**Từ khóa:** Lễ hội Tháp Bà, Tháp Bà Pô Nagar, văn hóa tỉnh Khánh Hòa

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới nước nào cũng có lễ hội. Đây là một loại hình sinh hoạt đặc biệt mang tính văn hóa và tính cộng đồng cao, phản ánh tín ngưỡng và đời sống của người dân.

Việt Nam là quốc gia có nhiều lễ hội mang đậm dấu ấn lịch sử và truyền thống mấy ngàn năm xây dựng và bảo vệ đất nước. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu lễ hội dưới góc độ dân tộc học, xã hội học, tôn giáo học... nhưng tìm hiểu loại hình sinh hoạt này bằng cái nhìn văn hóa học thì vẫn còn rất ít. Bài viết “Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar trong đời sống văn hóa ở tỉnh Khánh Hòa” sẽ được nghiên cứu bằng phương pháp văn hóa học, nhằm khám phá những đóng góp của lễ hội này cho đời sống văn hóa của người dân ở tỉnh Khánh Hòa.

Một cách cụ thể, bài viết sẽ được triển khai theo cái nhìn loại hình văn hóa. Chúng tôi đặt lễ hội được khảo sát vào trong hệ tọa độ văn hóa để tìm hiểu vai trò của nó đối với việc tổ chức xã hội, điều chỉnh xã hội, giao tiếp xã hội và giáo dục cộng đồng trong không gian địa lý cụ thể là tỉnh Khánh Hòa. Nguồn tư liệu chủ yếu dùng để khảo sát đề tài này sẽ là các văn bản của ngành văn hóa học, văn học, lịch sử, cùng một số kiến thức và hình ảnh điền dã của tác giả. Bố cục ngoài phần dẫn nhập và kết

l luận, nội dung chính được chia hai phần như sau: Phần đầu sẽ giới thiệu tổng quan về lễ hội Tháp Bà, phần thứ hai sẽ bàn đến những đóng góp văn hóa của lễ hội này trong đời sống xã hội tại tỉnh Khánh Hòa.

Trên tinh thần hướng về cội nguồn, bài viết này muốn đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp và đạo lý của dân tộc cho việc phát triển đất nước hôm nay.

## 2. TỔNG QUAN VỀ LỄ HỘI THÁP BÀ

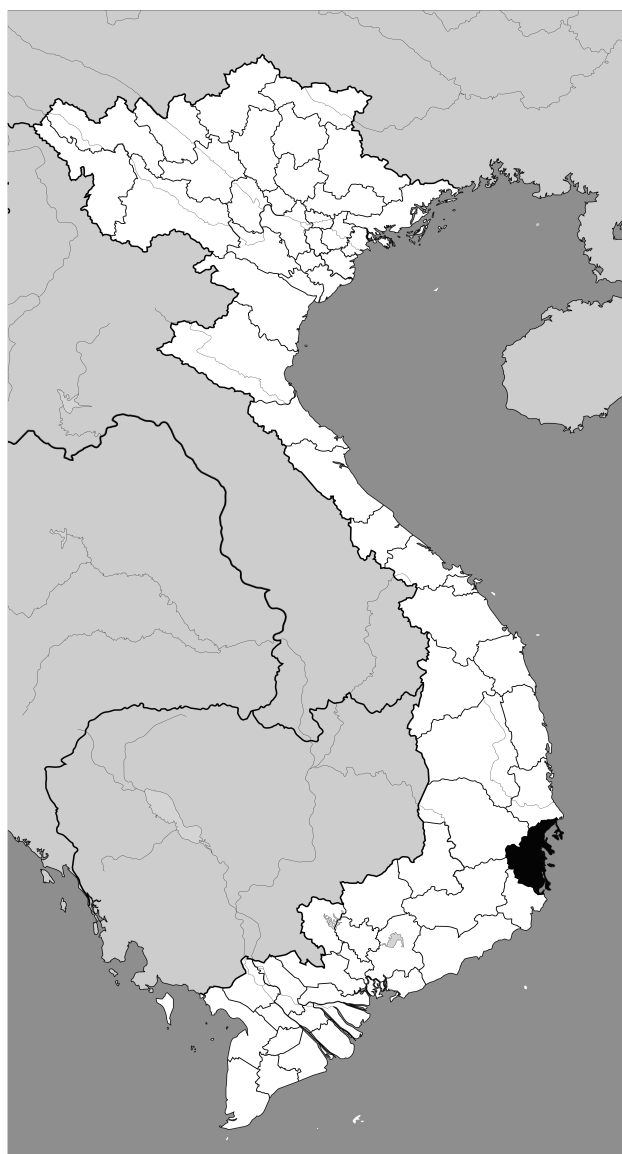
Lễ hội Tháp Bà thuộc về sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của tỉnh Khánh Hòa. Địa phương này nằm ở vùng Nam Trung bộ với diện tích tự nhiên là 5.197 km<sup>2</sup>. Tỉnh lỵ Nha Trang cách Thành phố Hồ Chí Minh 447 km và cách thủ đô Hà Nội 1.278 km đường bộ. Bờ biển dài đã tạo cho Khánh Hòa nhiều cửa lạch, đầm và vịnh. Các đặc điểm này rất rõ nét vào thời tiền – sơ sử, khiến cho Khánh Hòa được mệnh danh là vùng văn hóa cồn bàu [1, Tr. 451]. Địa hình Khánh Hòa tương phản rõ nét giữa một bên là núi cao và bên kia là vùng đồng bằng hẹp ven biển. Chính sự đối chọi đó của thiên nhiên đã tạo cho Khánh Hòa những sản vật đặc biệt như trầm hương vàng [2, Tr. 228]... Một cách đặc trưng, Khánh Hòa được biết đến như là xứ trầm hương

Tác giả liên hệ: TS. Huỳnh Đức Thiện

Email: [thienhuynhduc@hcmussh.edu.vn](mailto:thienhuynhduc@hcmussh.edu.vn)

[3]. Các con sông đều rất ngắn, độ dốc cao, chảy từ tây sang đông. Nhiệt độ trung bình năm là 26.7°C. Mùa mưa tập trung 4 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12, độ ẩm tương đối là 80.5 %.

Về lịch sử, trước khi trở thành đất của Đại Việt, Khánh Hòa là một phần của Vương quốc Chăm-pa. Vào năm 1653 chúa Nguyễn Phúc Tần sai quân vào tận Phan Rang đánh chiếm đất. Vua Chăm là Bà Tấm đầu hàng và nhượng đất từ phía đông sông Phan Rang đến Phú Yên cho chúa Nguyễn. Tên tỉnh Khánh Hòa được đặt vào năm 1832 thời vua Minh Mạng, chia thành 2 phủ là Diên Khánh và Ninh Hòa. Đây là tỉnh có nhiều di tích lịch sử của vương quốc Chăm-pa để lại. Tiêu biểu nhất trong các di tích này là Tháp Bà, một tháp thờ Bà Mẹ Xứ Sở là Pô Nagar. Dân số Khánh Hòa khoảng 1.300.000 người (2006), gồm các dân tộc Việt, Raglai, Hoa, Chăm và Cơ-ho.



Hình 1. Khánh Hoà (phần đậm)

Trên nền không gian và thời gian đó, lễ hội Tháp Bà Pô Nagar đã được hình thành. Ban đầu, đây là lễ hội của người Chăm, nhằm suy tôn nữ thần Mẹ Xứ Sở, Pô Nagar. Người Việt, từ khi đến định cư ở vùng đất mới, trong quá trình tiếp biến văn hóa, đã tiếp nhận thần tượng Pô Nagar (vốn là sản phẩm tín ngưỡng dân gian của một xã hội thị tộc mẫu hệ) vào tục thờ cúng của mình như tục thờ Mẹ Âu Cơ, Bà Đanh, Bà Đậu... Tháp Bà dần dần trở thành nơi thờ cúng Bà Mẹ chung của các dân tộc cùng cộng cư trên vùng đất Nam Trung Bộ [4: Tr 197-198].

Như thế, vị thần của người Chăm theo đạo Bàlamôn Pô Nagar đã chuyển thành vị thần Việt hiển linh dưới danh hiệu Thiên Y A Na Ngọc Diễn Phi (vừa theo cách diễn âm, vừa theo cách chuyển nghĩa từ tiếng Chăm: Pô Yang Inô Nagar) được thờ ở hai nơi tập trung lớn nhất khu vực Đàng Trong: điện Hòn Chén (Huế) và Tháp Bà (Nha Trang). Thần tích Nữ thần được thành văn vào năm 1856 - năm ra đời bản văn bia do Phan Thanh Giản ghi lại ở núi Đại An (Khánh Hoà). Hơn 50 năm sau, bài văn được đưa vào sách Đại Nam nhất thống chí với tên gọi "sự tích Tháp Thiên Y" [5, Tr 93].

Tháp Bà [4, Tr 195] - theo kiểu nói rút gọn của nhân dân - tức tháp thờ Bà Thiên Y A Na Thánh Mẫu, nguyên là di tích của thánh đô vương quốc Chăm-pa xưa, thờ nữ thần Mẹ Xứ sở của thị tộc Cau. Đây là một quần thể kiến trúc gồm 4 ngôi tháp Chăm được xây dựng từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ XIII trên một ngọn đồi cao khoảng 30m thuộc làng Cù Lao, nằm phía Bắc thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vì thế, đây còn được gọi là lễ hội Tháp Bà Nha Trang.

Xưa kia, người Chăm tổ chức nghi lễ cúng Bà Pô Nagar vào tháng 3 âm lịch hằng năm, từ ngày 20 đến 23. Lễ dâng cúng Bà gồm có hoa (thường là bông điệp), quả và trầm hương (không có nhang). Dê là vật tế chính, đôi khi có gà. Nghi lễ bày tỏ lòng sùng kính đối với công lao tạo dựng nên đất nước, sinh ra muôn vật, sáng tạo văn hóa của Nữ thần và cầu xin Nữ thần ban cho mọi người sự may mắn, tốt lành, sức khỏe, mùa màng bội thu: *Ngài là nữ thần, Mẹ Vương quốc. Ngài tạo dựng nên vùng đất cho cây cối và rừng gỗ quý sinh sôi. Ngài tạo nên giống lúa và dạy dân cách trồng trọt...* [4, Tr 197].

Từ khi người Việt đóng vai trò chủ thể lễ hội Tháp Bà, họ vẫn giữ nguyên thời gian mở lễ hội. Ngoài nhân dân tỉnh Khánh Hòa, còn có khách hành

hương từ các nơi khác đổ về dự hội như Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt, các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Ninh Thuận, Bình Thuận, có cả bà con người Chăm, người Hoa, người Miên. Một vài chi tiết thay đổi như người Việt đốt cả trầm hương và đốt nhang, tục lệ “múa bóng” ở nơi chính điện vẫn là một phần của nghi lễ, tuy có cải biên...

Lễ hội Tháp Bà Nha Trang của người Việt ngày nay có một số thay đổi trong nghi thức cúng kiến so với lễ hội người Chăm xưa, nhưng đều xuất phát từ một gốc chung mang tính nghi lễ phồn thực truyền thống và cùng mang một ý hướng chung là tỏ lòng tri ân và sùng kính Bà Mẹ đã tạo dựng nên đất nước kỳ vĩ, sáng tạo nên nền văn minh vật chất và tinh thần quý giá cho con người.



Hình 2. Văn bia được phục tạo năm 2000



Hình 3. Tháp Bà – Nha Trang

### 3. NHỮNG ĐÓNG GÓP VĂN HÓA CỦA LỄ HỘI THÁP BÀ

Lễ hội theo nghĩa phổ thông là một “cuộc vui tổ chức chung, có các hoạt động lễ nghi mang tính văn hóa truyền thống của dân tộc” [6]. Theo nghĩa chuyên môn, lễ là các hoạt động đã đạt đến trình độ lễ nghi; hội là các hoạt động lễ nghi đã phát triển đến mức cao hơn, có các hoạt động văn hóa truyền thống. Khi phần hội phong phú hơn thì gọi là hội lễ, phần lễ lẫn át thì gọi là lễ hội [7, Tr 5].

M. M. Bakhtin, nhà văn hóa nổi tiếng người Nga, từng đưa ra một sự kiến giải có tính nguyên lý về lễ hội. Ông quan niệm: Hội hè (mọi kiểu) - đó là một hình thái nguyên sinh rất quan trọng của văn hóa nhân loại. Không thể tìm nguồn gốc và không thể cắt nghĩa nó xuất phát từ những điều kiện thực tiễn và những mục tiêu của lao động xã hội hay từ nhu cầu sinh vật là sự nghỉ ngơi thường kỳ. Hội hè bao giờ cũng có một nội dung hàm nghĩa sâu xa, một nội dung thế giới quan cơ bản và sâu sắc. Theo ông, không một sự “tập luyện” nào, sự tổ chức và cải tiến quá trình lao động xã hội nào, hay một “trò chơi công việc” nào, hoặc một sự nghỉ ngơi hay giải lao trong quá trình lao động tự bản thân chúng lại có thể trở thành hội hè. Để chúng trở thành hội hè, chúng phải sáp nhập với một cái gì đó từ lĩnh vực sinh tồn khác, từ lĩnh vực tinh thần – tư tưởng. Chúng không được chuẩn y từ thế giới các phương tiện mà là từ thế giới lý tưởng. Không có cái đó thì không có và không thể có bất cứ một tính hội hè nào [8, Tr 31-32].

Hoạt động của lễ hội bao giờ cũng liên quan cách cốt yếu với thời gian. Nằm sâu trong cốt lõi của nó là một hệ thống các quan niệm nhất định và cụ thể về thời gian vũ trụ, thời gian sinh vật, thời gian lịch sử và thời gian tâm linh... Chính những yếu tố ấy dưới những hình thức cụ thể của những lễ hội cụ thể đã làm nên tính hội hè đặc thù của ngày hội [8, Tr 32]. Đây là “quy luật thời gian” trong hệ thống phân bố theo không gian của lễ hội (trong khi lễ Tết phân bố theo thời gian). Các lễ hội Việt Nam tập trung vào hai mùa có ít công việc đồng áng nhất: mùa xuân và mùa thu [9, Tr 273].

Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar cũng nằm trong quy luật đó, được tổ chức vào mùa xuân, từ ngày 20 đến 23 tháng ba [4, Tr 195]. Người Chăm xưa kia và người Việt ngày nay khi tổ chức nghi lễ thờ cúng Bà Mẹ Xứ Sở đều cùng bày tỏ tấm lòng tri ân đối

với công lao tạo dựng và dạy dỗ của Nữ thần, Đấng tạo dựng nên vùng đất cho cây cối và rừng gỗ quý sinh sôi, tạo nên giống lúa và dạy dân cách trồng trọt... Có ít nhất hai kết luận khả dĩ được ghi nhận ở đây: (1) Yếu tố loại hình văn hóa nông nghiệp được diễn tả rõ nét trong lời kinh bày tỏ lòng sùng kính: Mẹ tạo nên giống lúa và dạy dân cách trồng trọt; (2) Lễ hội này là không gian gắn kết các dân tộc, đặc biệt là Chăm tộc và Việt tộc, cùng cộng cư trên vùng đất Khánh Hòa. Hình tượng Bà Mẹ Xứ Sở, một tiếp nối của cổ đạo thờ Mẫu được chủ thể văn hóa mới - người Việt - tiếp nhận, tôn vinh trong bối cảnh xã hội hoàn toàn mới. Sinh hoạt văn hóa này đã thật sự tạo ra một trật tự ổn định cho xã hội có nhiều dân tộc cùng cộng cư.

Thật vậy, chức năng đầu tiên của văn hóa là nhằm tổ chức xã hội [9, Tr 21]. Người Việt, trong quá trình nam tiến, đã thay dân tộc Chăm làm chủ thể văn hóa của miền Khánh Hòa. Nếu chủ thể mới này không biết linh hoạt tiếp thu và tổ chức lại cấu trúc hệ thống Lễ hội, trong đó tất cả mọi thành phần, nhất là yếu tố bản địa Chăm, đều được tham gia và góp công trong lễ hội tôn vinh Bà, thì xã hội sẽ khó bề duy trì sự ổn định lâu dài. Đây cũng còn là đặc trưng tiêu biểu để khu biệt “lễ hội” và “lễ tết”: tính cộng đồng. Đặc trưng “khuôn mẫu” và có tính “chu kỳ” này, hơn lúc nào hết, sẽ đảm bảo cho xã hội được tổ chức thật quy cũ và ổn định. Điều này đúng cho các lễ hội nói chung và cũng thật đúng cho lễ hội của các dân tộc anh em đang cùng chung sống trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Thứ hai, cũng có thể nói như M. M. Bakhtin: Lễ hội, về thực chất là cuộc sống được tái hiện dưới hình thức tế lễ và trò diễn. Đó là cuộc sống lao động, chiến đấu của cộng đồng cư dân. Tuy nhiên, bản thân cuộc sống không thể trở thành lễ hội được nếu như chính nó không được thăng hoa, liên kết và quy tụ lại thành thế giới của tâm linh, tư tưởng của các biểu tượng, vượt lên trên thế giới của phương tiện và điều kiện tất yếu. Đó là thế giới, là cuộc sống thứ hai thoát ly tạm thời thực tại, đạt tới hiện thực lý tưởng mà ở đó mọi thứ đều trở nên đẹp đẽ, lung linh, siêu việt và cao cả [10, Tr 23]. Chính vẻ đẹp này của lễ hội đã tạo nên những giá trị cổ kết cộng đồng.

Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar thuộc về lễ hội tôn giáo và văn hóa, liên quan đến đời sống cộng đồng [4, Tr 275]. Cuộc đời của Bà Mẹ Xứ Sở là cả một huyền thoại lạ lùng: Bà vốn là một tiên nữ giáng

trần, rồi sau nhập vào khúc gỗ trầm hương theo nước sông ra biển trôi lên phương Bắc. Thái tử Bắc Hải được gỗ quý mang về kinh. Một đêm trăng thanh thái tử kỳ ngộ tiên nữ bước ra từ khúc gỗ. Hai người thành vợ chồng và sinh con cái. Nhưng rồi lòng nhớ quê thôi thúc, nàng đã đưa các con nhập vào khúc kỳ nam, rồi vượt biển trở về quê cũ. Ở nơi quê hương, Bà đã dạy dân cách trồng bắp, trồng dưa, trồng lúa, trồng bông dệt vải, cách chữa bệnh, đặt ra lễ nghi... Rồi một hôm ngày lành tháng tốt, có một con chim hạc từ trên mây đáp xuống, đưa Bà cùng hai con bay về tiên cảnh. Rõ ràng, toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Bà là một hình tượng nghệ thuật được “huyền thánh hóa” với các thủ pháp tượng trưng, ước lệ và phóng đại để đẹp hóa, cao cả hóa và thiêng hóa nhằm phản ánh khát khao phi thường và hiện thực những công việc phi thường như mong ước của người dân.

Như thế, đẹp hóa, thiêng hóa và quy chuẩn hóa là những giá trị bắt buộc của một lễ hội. Khi người Chăm cử hành lễ tế Bà, tiến lễ của họ là hoa (thường là bông điệp), quả và trầm hương (không có nhang); dê là vật tế chính, đôi khi có gà. Đây là những tế phẩm “thanh sạch”. Người Việt cũng thế, toàn bộ nhân sự hành lễ và tế cụ đều phải được chọn lọc phù hợp với tiêu chuẩn thiêng hóa. Tắm bà phải là các trinh nữ, còn nước thì được nấu kỹ với các loại hoa, lá có hương thơm. Các khăn tắm đều hoàn toàn mới và các động tác tiến hành đều phải rất cẩn trọng, nâng niu với lòng thành kính. Xiêm y mới cho Bà luôn là các loại hàng quý hiếm và đắt giá... Tất cả những tiêu chuẩn thẩm mỹ và thánh thiêng này đều được thống nhất một cách nghiêm trang, cẩn trọng. Không có một sự tùy tiện nào trong các bước tiến hành tế lễ. Có như thế thì một cuộc lễ mới có ý nghĩa đối với người sống, tạo sự thăng hoa tinh thần trong các hội lễ. Tế lễ trở thành một hành vi văn hóa, tức là một biểu hiện cách ứng xử của con người hiện tại với những giá trị truyền thống thiêng liêng mang ý nghĩa văn hóa hay lịch sử.

Lễ hội Tháp Bà, với những biểu hiện nội dung và đặc tính thẩm mỹ như thế, đã luôn tồn tại dưới hình thức cái đẹp và phản ánh cái đẹp, tức là chứa đựng các giá trị. Ở dạng thức này, nó biểu thị cho các giá trị xã hội, tạo sức mạnh cố kết cộng đồng. Như thế, bên cạnh các thiết chế xã hội như hương ước, gia đình hay dòng họ, lễ hội Tháp Bà Pô Nagar đã đóng vai trò kiểm soát

và điều chỉnh các quan hệ xã hội nơi địa bàn tỉnh Khánh Hòa xưa cũng như nay. Đó là chức năng xem xét các giá trị và điều chỉnh xã hội của lễ hội này.

Thứ ba, lễ hội Tháp Bà ban đầu là “tác phẩm” văn hóa của người Chăm, nhưng sau đó đã trở thành tài sản chung của cư dân Khánh Hòa. Nhìn trong tính chất xã hội của lễ hội, nó là quảng trường của tâm hồn. Xét về tính chất văn hóa, lễ hội là cái nôi sản sinh và nuôi dưỡng nghệ thuật như mỹ thuật, nghệ thuật giải trí, kịch văn hóa. Và với ý nghĩa đó, lễ hội tồn tại và có liên hệ mật thiết với sự phát triển của văn hóa [10, Tr 24]. Như vậy, lễ hội là một hiện tượng xã hội, là sản phẩm hoạt động thực tiễn của con người, có tính nhân sinh. Do gắn liền với đời sống và hoạt động xã hội - cách riêng ở bình diện văn hóa - của con người, lễ hội cũng trở thành một dạng công cụ giao tiếp giữa con người với nhau.

Trong lễ hội, con người có những quan hệ thân mật và sự giao tiếp phóng khoáng được tái sinh bằng sự tái hòa nhập cộng đồng. Những quan hệ tưởng như đã cũ kỹ được đổi mới trong những ngày hội lễ. Bầu không khí sinh hoạt văn hóa này xóa đi sự xa lạ, lạnh lùng, trơ mòn bởi cái thường nhật lặp đi lặp lại trong quan hệ giữa con người với nhau. Nhiều cung bậc tình cảm như tình làng nghĩa xóm, tình đồng bào, tình phường hội, tình thân tộc và tình cảm bạn bè nhờ vào không khí hội hè cũng có thêm sắc thái mới. Nhờ vậy, dường như mỗi con người đang trở về với chính mình và cảm thấy mình đích thực là con người giữa cộng đồng. Cảm nhận đó đến với người tham gia lễ hội thông qua những quan hệ đa dạng của vật chất - tâm linh sống động của đời sống lễ hội. Đó là những hàm nghĩa giao tiếp sâu sắc của lễ hội.

Các dân tộc anh em sống ở Khánh Hòa, có chung ngôn ngữ tâm linh là cùng thờ mẹ Pô Nagar. Gần đến ngày lễ hội, họ rạo rực chờ đợi. Khi hội lễ diễn ra, lòng tự hào quê hương của họ được khơi dậy. Người ta đi dự lễ tế không chỉ để thỏa mãn khát vọng tâm linh cá nhân, nhưng còn để cùng đồng cảm và đoàn kết vượt qua những khó khăn, thử thách trong hiện tại. Khả năng khơi dậy mối đồng cảm trong “lễ tế” và mở ra không gian cho mọi người cùng vui chơi trong phần “hội” là chính chức năng giao tiếp của lễ hội.

Nghề trồng lúa nước mang tính thời vụ cao: vào mùa, người nông dân tất bật với công việc đồng

áng. Vì thế, lúc nông nhàn, người ta có tâm lý chơi bù, ăn bù [9: Tr 265-266]. Thiết tưởng, bên cạnh cái ăn và cái chơi ấy, giao tiếp là hoạt động được sử dụng nhiều nhất. Lúc lễ hội được tổ chức cũng đồng thời là điểm kết thúc của một chu kỳ sản xuất, mở đầu cho một chu kỳ mới. Đây đồng thời là vòng quay của thời tiết – đời sống sản xuất và là mạch nối giữa đời sống vật chất - tinh thần, giữa trần thế và tâm linh. Nghi lễ cúng Bà Pô Nagar được tổ chức vào tháng 3 âm lịch. Đây là thời điểm ấm áp cuối mùa xuân của miền Nam Trung Bộ, thời điểm thuận tiện cho việc cấy trồng. Mẹ Pô Nagar là Người sinh ra giống lúa và dạy dân trồng trọt. Rõ ràng sinh hoạt tín ngưỡng này gắn liền với thực tế sản xuất của người dân, chủ yếu là làm nông nghiệp. Chính thế mà lễ hội này đã phản ánh được thực tại xã hội, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân. Sau một năm làm lụng vất vả và với những hoa màu thu hoạch được vào tháng chạp, lễ hội được tổ chức để tạ ơn Bà.

Tất cả nội dung tâm linh và văn hóa ấy đã tạo ra mạch nối giao tiếp giữa các dân tộc anh em Khánh Hòa. Vì thế, lễ hội Tháp Bà năm 2008 ước tính thu hút khoảng 25.000 lượt khách trong nước và quốc tế tham dự. Nếu không đáp ứng được yêu cầu chia sẻ và thông tin liên vị về nhu cầu văn hóa, lễ hội Tháp Bà khó có sức hấp dẫn đến thế. Và cuối cùng, bởi lễ hội là một sinh hoạt văn hoá mang tính cộng đồng cao, nên đây là môi trường thuận tiện nhất để thực hiện giáo dục cộng đồng.

Lễ hội Tháp Bà đã có một bề dày lịch sử lâu đời, phản ánh ước vọng phồn thực của cư dân nông nghiệp. Thờ Mẫu là một khát khao sinh sôi nảy nở phong nhiêu đã có từ xưa nơi người Việt. Bà Mẹ Xứ Sở của người Chăm đã làm giàu thêm cho tín ngưỡng này của con cháu bà Âu Cơ. Huyền thoại đi về Bắc Hải của mẹ Pô Nagar trong khúc gỗ trầm phải chăng là nỗi hoài niệm của giống nòi Lạc Việt về mẹ Âu Cơ nơi phương Bắc: Từ thuở mang gươm đi mở cõi, Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long. Nếu thế, Lễ hội này vừa là niềm tạ ơn đối với Bà Mẹ bản địa, vừa là một bài học lịch sử cho thế hệ hôm nay đối với công ơn tổ tiên mở mang bờ cõi.

Thật vậy, lễ hội Tháp Bà không thuần túy là một ngày lễ tế đối với riêng Bà Mẹ Xứ Sở. Vượt lên những kỷ niệm ban đầu, sinh hoạt văn hóa này đã trở thành dịp để con người truyền đạt tình cảm, đạo lý và khát vọng cho nhau, là cơ hội để

các dân tộc anh em Khánh Hòa giao hòa với quá khứ và hiện tại. Qua đó, họ củng cố thêm sức mạnh cộng đồng và thể hiện sự tôn kính đối với tạo hóa và tổ tiên cội nguồn của mình. Không gian lễ hội Tháp Bà đã trở nên linh thiêng để lưu giữ các huyền thoại và lịch sử dân tộc, cả thiên thần và nhân thần - những người có công khai hoang mở đất và xây dựng đất nước, những vị tổ của các nghề... Chính lễ hội này đã làm sống lại các huyền thoại, truyền thuyết; hay nói cách khác, những con người từ quá khứ đã hiện về bất tử và tham gia vào lễ hội cùng với con người ngày hôm nay. Hoạt động hưởng thượng này là căn nguyên tồn tại của lễ hội Tháp Bà và cũng là nguồn gốc nối kết các dân tộc Khánh Hòa với nhau.

Chính tại điểm này, truyền thống văn hóa được bảo lưu và được truyền đạt đến cho mọi thế hệ. Một đường dây thiêng liêng được thiết lập nối liền cuộc sống hiện tại với các giá trị truyền thống của quá khứ nhằm cho tất cả những người đang sống nhìn về lý tưởng tốt đẹp nhất. Cộng đồng các dân tộc Khánh Hòa cùng hướng tới những đối tượng thiêng liêng cao cả, nghĩa là hướng tới các chuẩn mực, giá trị và biểu tượng văn hóa.

Như thế, với tư cách là một thiết chế văn hóa, lễ hội Tháp Bà đã góp phần gìn giữ, lưu truyền và giáo dục truyền thống văn hóa cho người dân ở Khánh Hòa.

#### 4. KẾT LUẬN

Nhìn chung, lễ hội Tháp Bà Pô Nagar, dù truyền thuyết có thể nào đi nữa, đó vẫn là một sinh hoạt văn hoá mang đậm tính dân gian của cư dân Khánh Hòa. Nó thể hiện cái nhìn còn “ngây thơ” về vũ trụ của cư dân nông nghiệp, từ người Chăm cho đến người Việt.

Người tham dự lễ hội, bởi vậy luôn luôn cảm thấy thanh thản với những điều mong ước tốt lành, giải bày tâm niệm của mình trước hết vẫn mong sao cho đất nước bình yên, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, gia đình an khang, thịnh vượng. Mặc dù là một lễ hội tôn giáo và văn hóa, lễ hội Tháp Bà cũng đem đến cho người dự lễ hội cả bốn hình thức ứng xử: ứng xử với tự nhiên, ứng xử với cộng đồng, ứng xử với chính mình và ứng xử với đấng thiêng liêng. Có thể nói ứng xử của con người trong lễ hội này vẫn còn mang nét nguyên hợp nào đó. Đó cũng chính là triết lý, hàm nghĩa sâu xa nhất của lễ hội Tháp Bà

Pô Nagar.

Hơn nữa, trên bình diện tín ngưỡng, lễ hội Tháp Bà còn mang ý nghĩa tích cực trong việc giải quyết nhu cầu tâm linh, tạo dựng niềm tin về vụ mùa mới bội thu, sự hăng say lao động trong mỗi cộng đồng dân tộc ở Khánh Hòa. Bởi, trong cuộc sống đối diện với những bất trắc mang tính

thường trực, để có thể sinh tồn, vượt lên trên thách thức, họ phải hướng tới sức mạnh siêu nhiên qua hình ảnh các vị thần linh qua nghi lễ này. Đây là điều mà khó có thể thay thế một sớm một chiều. Thiết tưởng, đó là những đóng góp của lễ hội Tháp Bà Pô Nagar cho đời sống văn hóa ở tỉnh Khánh Hòa vậy.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Trần Quốc Vượng, *Việt Nam, cái nhìn địa – văn hóa*. Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc, 1998.

[2] Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục, 1998.

[3] Quách Tấn, *Xứ trầm hương*. Khánh Hòa: NXB Hội văn học nghệ thuật Khánh Hòa, 2002.

[4] Thạch Phương, Lê Trung Vũ, *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 1995.

[5] Đại Nam nhất thống chí, *tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa 1964* (bản dịch của Nguyễn Đức Xứng và Trần Xuân). Saigon: NXB Văn hóa Giáo dục, 1964.

[6] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng, 2008.

[7] Bùi Thiết, *Từ điển hội lễ Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa, 1993.

[8] M. M. Bakhtin, *Sáng tác của Francois Rabelais và nền văn hóa dân gian trung cổ và phục hưng*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 2006.

[9] Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (in lần thứ tư)*. TP.HCM: NXB TP.HCM, 2004.

[10] Hồ Hoàng Hoa, *Lễ hội – Một nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, 1998.

# The festival of the tower of Lady Pô Nagar in the cultural life of Khanh Hoa province

Huynh Duc Thien

## ABSTRACT

*There are a lot of traditional festivals in the world. Every nation has its traditional festivals; no nation is an exception. A traditional festival is a special form of human activity which highlights a community's culture and spirit. A festival is a reflection of the religious beliefs and the real life of the people. Vietnam is one such nation which has numerous historical-cultural festivals. The festivals have been formed from thousands of years of Vietnamese history. Research on traditional festivals has been frequently and extensively done from the perspectives of ethnology, sociology, and religious studies..., but rarely has research been approached through the eyes of culturology. The theme "The Festival of the Tower of Lady Pô Nagar in the cultural life of Khanh Hoa province" will be researched by a cultural method, in order to discover the contributions of this festival to the cultural and spiritual life of Khanh Hoa province. In sum, the study will be done from typological culture views and will be inclined to the theory of geo-culture: putting the festival in a co-ordinated culture in order to find out the role of the festival as it relates to social organization, social adjusting, social communication and communicated education in Khanh Hoa province. Reverting to the original point, research on "The Festival of the Tower of Lady Pô Nagar in the cultural life of Khanh Hoa*

*province” is a humble work of the researcher to contribute displaying Vietnamese traditions in the context of the present socioeconomic development in Vietnam.*

**Keywords:** *festival of the tower, Tower of Lady Pô Nagar, cultural of Khanh Hoa province*

---

Received: 10/6/2022

Revised: 12/07/2022

Accepted for publication: 13/08/2022